

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Loan Em.

Ông Hứa Phận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Bích T, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lâm Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2024, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị Bích T trình bày: Bà với ông Lâm Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015, có làm thủ tục đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121 ngày 07/10/2015. Vợ chồng có 01 người con chung là Lâm Thái D, sinh ngày 06/04/2016. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, thường xuyên cự cãi với nhau, ông Đ đi làm không có gửi tiền về phụ giúp gia đình, không lo làm ăn, việc mâu thuẫn thường xuyên làm tình cảm ngày càng xa không thể hàn gắn nên vợ chồng tách ra sống riêng từ năm 2019. Thời gian sống riêng đã lâu, tình cảm không còn nên bà khởi kiện yêu cầu ly

hôn. Về con đang sống với bà ở bên nhà cha mẹ ruột và hiện con đang học lớp 02, bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng. Đối với tài sản chung và nợ chung là không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Đ vắng mặt, quá trình giải quyết có văn bản trình bày ý kiến: Ông với bà T là vợ chồng và có 01 người con chung là Lâm Thái D sinh ngày 06/04/2016. Do mâu thuẫn ông và bà T đã sống ly thân với nhau từ năm 2019, nay ông đồng ý ly hôn và thống nhất giao con cho bà T nuôi dưỡng. Đối với tài sản chung, nợ chung không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Đ, giao con chung là Lâm Thái D cho bà T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đến phiên tòa đúng quy định, các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án bảo đảm quyền lợi của đương sự còn lại.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông Đ tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121 ngày 07/10/2015 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà T với ông Đ không sống chung với nhau thời gian dài. Bà T đề nghị xét xử vắng mặt, đến nay không có yêu cầu rút đơn khởi kiện và ông Đ đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, có văn bản đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông Đ có một người con chung là Lâm Thái D, sinh ngày 06/04/2016. Xét thấy, cháu D do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân và cháu D có nguyện vọng sống với mẹ (b1 23), bà T có yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu D cho bà T trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, bà T không yêu cầu và Tòa án không ghi được ý kiến tự nguyện của ông Đ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Cao Thị Bích T phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Cao Thị Bích T được ly hôn với ông Lâm Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Thái D, sinh ngày 06/04/2016 cho bà Cao Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông Lâm Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Cao Thị Bích T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000496 ngày 24/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND thị trấn Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai